

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT DỰ ÁN ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH PHÍA TÂY THÀNH PHỐ KON TUM; ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGỌC BAY, TỈNH KON TUM

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Bay)

Tại Thông báo 114/TB-UBND ngày 10/06/2021 và thông báo 86/TB-UBND ngày 10/4/2023 của UBND thành phố Kon Tum								Nội dung điều chỉnh						Địa chỉ thửa đất tại xã cũ	Địa chỉ thửa đất tại xã mới	Địa chỉ chủ sử dụng	Nội Dung	Ghi chú
STT	STT Theo TB 114/TB-UBND	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Mục đích sử dụng đất	Diện tích trọn thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Mục đích sử dụng đất	Diện tích trọn thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)					
1	4	A Ngăn	30	461	LUC	165,0	2,3	A Ngăn	30	461	LUC	165,0	2,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
2	5	Võ Công Phu	30	522	ONT+NHK	1.684,7	313,3	Võ Công Phu	30	522	ONT+NHK	1.684,7	313,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	QĐ thu hồi đất số 4161/QĐ-UBND
3	7	A Ngô	30	676	NHK	36,6	1,4	Công ty thủy điện Ia Ly	30	676	DNL	25,5	1,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng, mục đích sử dụng, diện tích tổng và thu hồi	Y Rương canh tác
4	8	Y Bon	30	677	NHK	5,7	4,5	Công ty thủy điện Ia Ly	30	677	DNL	5,7	4,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	Y Bon - A Bui (con) canh tác
5	9	A Hueo	30	678	NHK	0,7	0,7	Công ty thủy điện Ia Ly	30	678	DNL	0,7	0,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	A Hueo canh tác
6	10	A Hueo	30	714	NHK	66,9	66,9	Công ty thủy điện Ia Ly	30	714	DNL	66,9	66,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	A Hueo canh tác
7	11	Y Rương	30	717	NHK	1,8	1,8	Công ty thủy điện Ia Ly	30	717	DNL	1,8	1,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	Y Rương canh tác
8	12	Y Rương	30	718	NHK	16,9	15,6	Công ty thủy điện Ia Ly	30	718	DNL	16,9	15,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	Y Rương canh tác
9	13	A Ngô	30	679	LUK	294,8	294,8	Y Rương	30	679	LUK	228,7	228,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tách thửa	
10								Công ty thủy điện Ia Ly	30	1434	DNL	66,1	66,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai		Y Rương canh tác
11								Y Rương	30	681	NHK	461,5	461,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu		
12								Công ty thủy điện Ia Ly	30	1441	DNL	1.675,9	1.654,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai		Y Rương canh tác
13	15	A Ngô	30	681	NHK	2.202,7	2.195,6	A Nghiêm	30	1442	NHK	47,1	47,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tách thửa	
14								Y Rương	30	1443	NHK	29,6	29,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu		
15								Y Rương	30	1444	NHK	8,7	3,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu		
16								16	A Ngô	30	682	LUC	402,2	402,2	Công ty thủy điện Ia Ly	30	682	DNL
17	17	A Ngô	30	683	LUC	1.641,7	974,8	A Ngô	30	683	LUC	979,0	312,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tách thửa	
18								Công ty thủy điện Ia Ly	30	1437	DNL	662,6	662,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai		A Ngô canh tác
19	20	A Ngô	30	684	LUC	120,6	120,5	A Ngăn	30	684	LUC	111,6	111,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tách thửa	
20								Công ty thủy điện Ia Ly	30	1438	DNL	9,0	9,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai		A Ngăn canh tác
21	19	A Ngăn	30	685	LUC	94,1	76,5	A Ngăn	30	685	LUC	94,1	76,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
22	20	A Ngô	30	686	LUC	35,1	34,9	A Ngăn	30	686	LUC	35,1	34,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
23	21	A Ngăn	30	687	LUC	220,7	2,8	A Ngăn	30	687	LUC	220,7	2,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
24	22	A Ngô	30	692	LUC	151,2	151,2	A Nghiệp	30	692	LUC	23,5	23,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tách thửa	
25								Công ty thủy điện Ia Ly	30	1439	DNL	127,7	127,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai		A Nghiệp canh tác
26	23	A Ngô	30	693	NHK	26,3	26,3	Công ty thủy điện Ia Ly	30	693	DNL	26,3	26,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	A Ngô canh tác
27	24	A Ngô	30	694	NHK	1.737,8	1.378,5	A Nghiệp	30	694	NHK	1.307,0	947,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tách thửa	
28								Công ty thủy điện Ia Ly	30	1440	DNL	430,8	430,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai		A Nghiệp canh tác
29	25	Hồ Thanh Phúc	30	697	ONT+NHK	346,4	15,0	Hồ Thanh Phúc	30	697	ONT+NHK	346,4	15,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
30	26	Hồ Thanh Phúc	30	700	ONT+NHK	1.398,5	1.398,5	Hồ Thanh Phúc	30	700	ONT+NHK	1.398,5	1.398,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
31	27	Công ty Thủy điện Ia Ly	30	702	DNL	258,5	258,5	UBND xã	30	702	NHK	258,5	258,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
32	28	Công ty Thủy điện Ia Ly	30	704	DNL	26,5	26,5	UBND xã	30	704	NHK	26,5	26,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
33	29	Lê Văn Quốc	30	705	ONT+NHK	826,2	89,2	Lê Văn Quốc	30	705	ONT+NHK	1.113,0	100,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Gộp thửa	Đã chi trả; QĐ thu hồi đất số 4162/QĐ-UBND
	30	Lê Thị Chính	30	706	ONT+NHK	286,8	11,7											

Tại Thông báo 114/TB-UBND ngày 10/06/2021 và thông báo 86/TB-UBND ngày 10/4/2023 của UBND thành phố Kon Tum								Nội dung điều chỉnh						Địa chỉ thửa đất tại xã cũ	Địa chỉ thửa đất tại xã mới	Địa chỉ chủ sử dụng	Nội Dung	Ghi chú
STT	STT Theo TB 114/TB-UBND	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Mục đích sử dụng đất	Diện tích trọn thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Mục đích sử dụng đất	Diện tích trọn thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)					
34	31	Võ Đình Quân	30	708	ONT+Vườn	827,3	827,3	Võ Đình Quân	30	708	ONT+NHK	827,3	827,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh mục đích sử dụng	QĐ thu hồi đất số 3808/QĐ-UBND
35	32	UBND xã	30	721	NHK	1.698,5	1.698,5	UBND xã	30	721	NHK	1.698,5	1.698,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
36	33	Bùi Văn Ẻp	30	726	CLN	628,0	628,0	UBND xã	30	726	CLN	628,0	628,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng	Bùi Văn Ẻp - Lê Thị Nhuận canh tác
37	34	Bùi Văn Ẻp	30	728	CLN	1.511,5	144,3	UBND xã	30	728	CLN	1.511,5	144,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng	Bùi Văn Ẻp - Lê Thị Nhuận canh tác
38	35	A Hồng	30	730	CLN	1.434,8	1.434,8	UBND xã	30	730	CLN	1.434,8	1.434,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng	A Hồng - Y Yoaih canh tác
39	36	Công ty Thủy điện Ia Ly	30	752	DNL	619,7	8,2	UBND xã	30	752	CLN	643,1	8,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng, mục đích sử dụng và diện tích tổng thửa	A Hồng - Y Yoaih canh tác
40	37	A Hồng	30	733	CLN	306,4	182,8	UBND xã	30	733	CLN	306,4	182,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng	A Hồng - Y Yoaih canh tác
41	38	Công ty Thủy điện Ia Ly	30	751	DNL	227,4	207,2	UBND xã	30	751	CLN	277,4	207,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng, mục đích sử dụng và diện tích tổng thửa	A Hồng - Y Yoaih canh tác
42	39	A Hồng	30	734	NHK	4.617,1	4.617,1	UBND xã	30	734	NHK	4.617,1	4.617,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng	A Hồng - Y Yoaih canh tác
43	40	A Hồng	30	736	NHK	56,2	56,2	UBND xã	30	736	NHK	56,2	56,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng	A Hồng - Y Yoaih canh tác
44	41	Siu Lâm	30	737	NHK	846,3	109,5	UBND xã	30	737	NHK	846,3	109,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng	Siu Lâm - Y Dô canh tác
45	42	Siu Lâm	30	738	CLN	999,6	603,5	UBND xã	30	738	CLN	999,6	603,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng	Siu Lâm - Y Dô canh tác
46	43	A Hào	30	739	NHK	1.258,4	1.185,4	UBND xã	30	739	NHK	1.258,4	1.185,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	A Hào canh tác
47	44	A Thái	30	740	CLN	1.496,5	650,9	UBND xã	30	740	CLN	1.496,5	650,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng	A Thái - Nguyễn Thị Thường canh tác
48	45	Võ Thị Nga	30	742	NHK	2.535,7	63,9	UBND xã	30	742	NHK	2.535,7	63,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	Võ Thị Nga canh tác
49	46	A Hào	30	743	NHK	2.480,9	1.721,0	UBND xã	30	743	NHK	2.480,9	1.721,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	A Hào canh tác
50	47	A Hào	30	745	CLN	368,9	368,9	UBND xã	30	745	CLN	368,9	368,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	A Hào canh tác
51	48	Lý Thị Tuyết	30	747	NHK	994,6	419,1	UBND xã	30	747	NHK	994,6	419,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	Lý Thị Tuyết canh tác
52	49	A Hào	30	748	NHK	1.922,9	1.922,9	UBND xã	30	748	NHK	1.922,9	1.922,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	A Hào canh tác
53	50	A Hào	30	749	CLN	277,4	277,4	UBND xã	30	749	CLN	277,4	277,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	A Hào canh tác
54	51	UBND xã	30	3001	DGT	49.327,9	1.373,1	UBND xã	30	3001	DGT	49.327,9	1.373,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
55	52	UBND xã	30	6001	SON	3.097,1	42,5	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6001	DNL	3.097,1	42,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
56	53	Công ty Thủy điện Ia Ly	30	6002	DNL	2.566,9	44,0	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6002	DNL	2.575,8	44,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh diện tích tổng thửa	
57	54	UBND xã	30	6003	SON	46,6	46,6	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6003	DNL	46,6	46,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
58	55	UBND xã	30	6005	SON	20,1	2,0	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6005	DNL	20,1	2,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
59	56	UBND xã	30	6006	SON	128,4	128,1	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6006	DNL	128,4	128,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
60	57	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	54	DNL	269,3	269,3	Huỳnh Thành Trung	34	54	CLN	269,3	269,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
61	58	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	57	DNL	89,3	89,3	Huỳnh Thành Trung	34	57	CLN	89,3	89,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
62	59	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	58	DNL	1.802,9	1.802,9	Huỳnh Thanh Tâm	34	58	NHK	1.797,5	1.797,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tách thửa	
63								Công ty thủy điện Ia Ly	34	71	DNL	5,4	5,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai		

Tại Thông báo 114/TB-UBND ngày 10/06/2021 và thông báo 86/TB-UBND ngày 10/4/2023 của UBND thành phố Kon Tum								Nội dung điều chỉnh					Địa chỉ thửa đất tại xã cũ	Địa chỉ thửa đất tại xã mới	Địa chỉ chủ sử dụng	Nội Dung	Ghi chú	
STT	STT Theo TB 114/TB-UBND	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Mục đích sử dụng đất	Diện tích trọt thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Mục đích sử dụng đất	Diện tích trọt thửa (m2)						Diện tích thu hồi (m2)
64	60	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	61	DNL	2.355,7	1.844,5	A Thung -A Maih - Y Luyên	34	61	NHK	192,7	131,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tách thửa	A Thung - A Maih - Y Luyên canh tác
65								Công ty thủy điện Ia Ly	34	72	DNL	2.162,9	1.713,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai		
66	61	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	62	DNL	4.569,7	1.116,9	Thái Ngọc Thiện	34	62	NHK	1.733,5	11,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Phương Quý 2	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tách thửa	Thái Ngọc Thiện canh tác
67								Công ty thủy điện Ia Ly	34	73	DNL	2.836,2	1.105,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai		
68	62	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	63	DNL	3.476,5	894,7	Công ty thủy điện Ia Ly	34	63	DNL	3.476,5	894,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	A Thăng - Y Buch canh tác
69	63	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	64	DNL	3.072,4	2.376,1	Công ty thủy điện Ia Ly	34	64	DNL	3.072,4	2.376,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	A Srim - Y Ben canh tác
70	64	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	65	DNL	1.283,0	270,6	Công ty thủy điện Ia Ly	34	65	DNL	1.283,0	270,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	Y Hel - A Ngổt canh tác
71	65	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	66	DNL	2.419,0	2.055,6	Công ty thủy điện Ia Ly	34	66	DNL	2.419,0	2.055,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	Y Beoh -Y Hel canh tác
72	66	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	67	DNL	2.790,0	404,8	Công ty thủy điện Ia Ly	34	67	DNL	2.790,0	404,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	A Eo canh tác
73	67	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	68	DNL	1.948,0	23,2	A Hòa - Y Phước	34	68	CLN	1.948,0	23,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
74	68	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	70	DNL	20,5	15,4	Công ty thủy điện Ia Ly	34	70	DNL	20,5	15,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	Y Nuh canh tác
75	69	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	3001	DNL	6.176,0	896,7	UBND xã	34	3001	DGT	6.176,0	896,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Ngok Bay	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh chủ sử dụng và mục đích sử dụng	
76	70	Công ty Thủy điện Ia Ly	34	6001	DNL	121.242,5	6.103,7	Công ty thủy điện Ia Ly	34	6001	DNL	12.207,4	6.103,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh diện tích tổng thửa	
	STT Theo TB 86/TB-UBND	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Mục đích sử dụng đất	Diện tích trọt thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Thửa đất	Mục đích sử dụng đất	Diện tích trọt thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Địa chỉ thửa đất tại xã cũ	Địa chỉ thửa đất tại xã mới	Địa chỉ chủ sử dụng	Nội Dung	Ghi Chú
77	1	A Ngô	30	361	LUK	385,1	375,4	A Nghiêm	30	361	LUK	382,8	373,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới,	A Nghiêm canh tác
78								Công ty thủy điện Ia Ly	30	1433	DNL	2,2	2,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Điều chỉnh tách thửa	
79	2	A Ngô	30	414	LUK	166,0	166,0	A Nghiêm	30	414	LUK	166,0	166,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
80	3	A Ngô	30	422	NHK	858,7	381,4	A Ngô	30	422	NHK	798,1	320,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới,	A Ngô canh tác
81								Công ty thủy điện Ia Ly	30	1436	DNL	60,6	60,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Điều chỉnh tách thửa	
82	4	A Ngô	30	675	CLN	260,6	2,2	A Nghiêm	30	675	CLN	260,6	2,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
83	5	A Ngô	30	680	LUC	839,7	750,3	A Ngô	30	680	LUC	408,4	318,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới,	A Ngô canh tác
84								Công ty thủy điện Ia Ly	30	1435	DNL	431,4	431,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, tỉnh Gia Lai	Điều chỉnh tách thửa	
85	6	A Ngô	30	710	NHK	27,6	21,7	A Ngô	30	710	NHK	27,6	21,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới	
86	7	A Ngô	30	754	LUC	1.782,6	17,5	A Nghiêm	30	1431	LUC	1.782,6	17,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hngo Ktu	Bổ sung thêm địa chỉ thửa đất xã mới, Điều chỉnh tên thửa đất	
	TỔNG CỘNG																	
						248.178,6	46.505,4							139.234,6	46.505,3			

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT, CÁC THỪA ĐẤT SAU ĐIỀU CHỈNH
DỰ ÁN ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH PHÍA TÂY THÀNH PHỐ KON TUM; ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGỌK BAY, TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân xã Ngọk Bay)

TT	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ số	Thửa số	Loại đất	Diện tích trọn thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích phần đường (m2)	Địa chỉ thửa đất tại xã cũ	Địa chỉ thửa đất tại xã mới	Địa chỉ chủ sử dụng	Ghi chú
1	A Nghiêm	30	361	LUK	382,8	373,2	373,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
2	A Nghiêm	30	414	LUK	166,0	166,0	166,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
3	A Ngô	30	422	NHK	798,1	320,8	320,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
4	A Ngăn	30	461	LUC	165,0	2,3	2,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
5	Võ Công Phu	30	522	ONT+NHK	1684,7	313,3	313,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Trung Thành	QĐ thu hồi đất số 4161/QĐ-UBND
6	A Nghiêm	30	675	CLN	260,6	2,2	2,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
7	Công ty thủy điện Ia Ly	30	676	DNL	25,5	1,4	1,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Y Rương canh tác
8	Công ty thủy điện Ia Ly	30	677	DNL	5,7	4,5	4,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Y Bơn - A Bui (con) canh tác
9	Công ty thủy điện Ia Ly	30	678	DNL	0,7	0,7	0,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Hueo canh tác
10	Y Rương	30	679	LUK	228,7	228,7	228,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
11	A Ngô	30	680	LUC	408,4	318,9	318,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
12	Y Rương	30	681	NHK	461,5	461,5	461,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
13	Công ty thủy điện Ia Ly	30	682	DNL	402,2	402,2	402,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Ngô canh tác
14	A Ngô	30	683	LUC	979,0	312,2	312,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
15	A Ngăn	30	684	LUC	111,6	111,5	111,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọk Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	

16	A Ngăn	30	685	LUC	94,1	76,5	76,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
17	A Ngăn	30	686	LUC	35,1	34,9	34,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
18	A Ngăn	30	687	LUC	220,7	2,8	2,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
19	A Nghiệp	30	692	LUC	23,5	23,5	23,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
20	Công ty thủy điện Ia Ly	30	693	DNL	26,3	26,3	26,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Ngô canh tác
21	A Nghiệp	30	694	NHK	1307,0	947,7	947,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
22	Hồ Thanh Phúc	30	697	ONT+NH K	346,4	15,0	15,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Trung Thành	
23	Hồ Thanh Phúc	30	700	ONT+NH K	1398,5	1398,5	1398,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Trung Thành	
24	UBND xã	30	702	NHK	258,5	258,5	258,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Xã Vinh Quang	
25	UBND xã	30	704	NHK	26,5	26,5	26,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Xã Vinh Quang	
26	Lê Văn Quốc	30	705	ONT+NH K	1113,0	100,9	100,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Trung Thành	Đã chi trả; QĐ thu hồi đất số
27	Võ Đình Quân	30	708	ONT+NH K	827,3	827,3	827,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Trung Thành	QĐ thu hồi đất số 3808/QĐ-UBND
28	A Ngô	30	710	NHK	27,6	21,7	21,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
29	Công ty thủy điện Ia Ly	30	714	DNL	66,9	66,9	66,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Hueo canh tác
30	Công ty thủy điện Ia Ly	30	717	DNL	1,8	1,8	1,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Y Ruong canh tác
31	Công ty thủy điện Ia Ly	30	718	DNL	16,9	15,6	15,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Y Ruong canh tác
32	UBND xã	30	721	NHK	1698,5	1698,5	1698,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Xã Vinh Quang	
33	UBND xã	30	726	CLN	628,0	628,0	628,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Xã Vinh Quang	Bùi Văn Ệp - Lê Thị Nhuận canh
34	UBND xã	30	728	CLN	1511,5	144,3	144,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Xã Vinh Quang	Bùi Văn Ệp - Lê Thị Nhuận canh

35	UBND xã	30	730	CLN	1434,8	1434,8	1434,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hồng - Y Yoaih canh tác
36	UBND xã	30	733	CLN	306,4	182,8	182,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hồng - Y Yoaih canh tác
37	UBND xã	30	734	NHK	4617,1	4617,1	4617,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hồng - Y Yoaih canh tác
38	UBND xã	30	736	NHK	56,2	56,2	56,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hồng - Y Yoaih canh tác
39	UBND xã	30	737	NHK	846,3	109,5	109,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	Siu Lâm - Y Đô canh tác
40	UBND xã	30	738	CLN	999,6	603,5	603,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	Siu Lâm - Y Đô canh tác
41	UBND xã	30	739	NHK	1258,4	1185,4	1185,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hảo canh tác
42	UBND xã	30	740	CLN	1496,5	650,9	650,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Thái - Nguyễn Thị Thường canh
43	UBND xã	30	742	NHK	2535,7	63,9	63,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	Võ Thị Nga canh tác
44	UBND xã	30	743	NHK	2480,9	1721,0	1721,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hảo canh tác
45	UBND xã	30	745	CLN	368,9	368,9	368,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hảo canh tác
46	UBND xã	30	747	NHK	994,6	419,1	419,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	Lý Thị Tuyết canh tác
47	UBND xã	30	748	NHK	1922,9	1922,9	1922,9	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hảo canh tác
48	UBND xã	30	749	CLN	277,4	277,4	277,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hảo canh tác
49	UBND xã	30	751	CLN	277,4	207,2	207,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hồng - Y Yoaih canh tác
50	UBND xã	30	752	CLN	643,1	8,2	8,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	A Hồng - Y Yoaih canh tác
51	A Nghiêm	30	1431	LUC	1782,6	17,5	17,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
52	Công ty thủy điện Ia Ly	30	1433	DNL	2,2	2,2	2,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Nghiêm canh tác
53	Công ty thủy điện Ia Ly	30	1434	DNL	66,1	66,1	66,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Y Rương canh tác

54	Công ty thủy điện Ia Ly	30	1435	DNL	431,4	431,4	431,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Ngô canh tác
55	Công ty thủy điện Ia Ly	30	1436	DNL	60,6	60,6	60,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Ngô canh tác
56	Công ty thủy điện Ia Ly	30	1437	DNL	662,6	662,6	662,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Ngô canh tác
57	Công ty thủy điện Ia Ly	30	1438	DNL	9,0	9,0	9,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Ngăn canh tác
58	Công ty thủy điện Ia Ly	30	1439	DNL	127,7	127,7	127,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Nghiệp canh tác
59	Công ty thủy điện Ia Ly	30	1440	DNL	430,8	430,8	430,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Nghiệp canh tác
60	Công ty thủy điện Ia Ly	30	1441	DNL	1675,9	1654,1	1654,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Y Rương canh tác
61	A Nghiêm	30	1442	NHK	47,1	47,1	47,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
62	Y Rương	30	1443	NHK	29,6	29,6	29,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
63	Y Rương	30	1444	NHK	8,7	3,3	3,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
64	UBND xã	30	3001	DGT	49327,9	1373,1	1373,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Xã Vinh Quang	
65	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6001	DNL	3097,1	42,5	42,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	
66	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6002	DNL	2575,8	44,0	44,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	
67	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6003	DNL	46,6	46,6	46,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	
68	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6005	DNL	20,1	2,0	2,0	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	
69	Công ty thủy điện Ia Ly	30	6006	DNL	128,4	128,1	128,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	
70	Huỳnh Thành Trung	34	54	CLN	269,3	269,3	269,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Trung Thành	
71	Huỳnh Thành Trung	34	57	CLN	89,3	89,3	89,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Trung Thành	
72	Huỳnh Thanh Tâm	34	58	NHK	1797,5	1797,5	1797,5	Xã Vinh Quang	Xã Ngọc Bay	Thôn Trung Thành	

73	A Thưng -A Maih - Y Luyện	34	61	NHK	192,7	131,1	131,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Kon Hơ Ngo Kơ Tu	
74	Thái Ngọc Thiện	34	62	NHK	1733,5	11,3	11,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Phương Quý 2	
75	Công ty thủy điện Ia Ly	34	63	DNL	3476,5	894,7	894,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Thăng - Y Buch canh tác
76	Công ty thủy điện Ia Ly	34	64	DNL	3072,4	2376,1	2376,1	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Srim -Y Ben canh tác
77	Công ty thủy điện Ia Ly	34	65	DNL	1283,0	270,6	270,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Y Hel - A Ngót canh tác
78	Công ty thủy điện Ia Ly	34	66	DNL	2419,0	2055,6	2055,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Y Beoh -Y Hel canh tác
79	Công ty thủy điện Ia Ly	34	67	DNL	2790,0	404,8	404,8	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Éo canh tác
80	A Hòa - Y Phước	34	68	CLN	1948,0	23,2	23,2	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Thôn Trung Thành	
81	Công ty thủy điện Ia Ly	34	70	DNL	20,5	15,4	15,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Y Nuh canh tác
82	Công ty thủy điện Ia Ly	34	71	DNL	5,4	5,4	5,4	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Huỳnh Thanh Tâm
83	Công ty thủy điện Ia Ly	34	72	DNL	2162,9	1713,3	1713,3	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	A Thưng - A Maih - Y Luyện canh tác
84	Công ty thủy điện Ia Ly	34	73	DNL	2836,2	1105,6	1105,6	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	Thái Ngọc Thiện canh tác
85	UBND xã	34	3001	DGT	6176,0	896,7	896,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	Xã Vinh Quang	
86	Công ty thủy điện Ia Ly	34	6001	DNL	12207,4	6103,7	6103,7	Xã Vinh Quang	Xã Ngok Bay	727 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku (cũ)	

STT	Loại đất		Diện tích thửa đất chỉnh lý bị ảnh hưởng của dự án (86 thửa)		
			Diện tích thửa đất (m ²)		Diện tích thu hồi (m ²)
1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10.510,8		4.890,0
2	Đất giao thông	DGT	55.503,9		2.269,8

3	Đất năng lượng	DNL	40.153,6		19.172,3
4	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	3.820,0		900,1
5	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	777,5		767,9
6	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	23.098,9		15.850,2
7	Đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm khác	ONT+NHK	5.369,9		2.655,0
Tổng (m²)			139.234,6		46.505,3